

Số: 02 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc thành lập các lớp đại học hệ liên thông khóa 48

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ “Qui chế học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy” ban hành theo quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 13/08/2007 và “Qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Danh sách sinh viên trúng tuyển nhập học năm 2013 ban hành kèm theo Quyết định số 914/QĐ-DHN ngày 17/12/2013 của Trường ĐH Dược Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý sinh viên,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập 02 lớp đại học hệ liên thông khoá 48 gồm 155 sinh viên (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Cử các sinh viên sau vào ban đại diện lớp năm học 2013-2014:

| Lớp C2 K48:          |                  | Lớp C4 K48:     |                  |
|----------------------|------------------|-----------------|------------------|
| Trần Thế Trung       | Lớp trưởng       | Nguyễn Văn Thừa | Lớp trưởng       |
| Nguyễn Thị Lệ Quyên  | Lớp phó học tập  | Trần Văn Chện   | Lớp phó học tập  |
| Nguyễn Thị Diệu Thúy | Lớp phó đời sống | Nguyễn Tuấn Sơn | Lớp phó đời sống |

**Điều 3.** Ban đại diện lớp và các sinh viên lớp đại học hệ liên thông khoá 48 có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ, nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi theo quy định, quy chế hiện hành.

**Điều 4.** Trưởng các phòng QLSV, ĐT, TCKT, ban đại diện các lớp và sinh viên đại học hệ liên thông khoá 48 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Website nội bộ;
- Lưu: QLSV, ĐT, HCTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thái Nguyễn Hùng Thu

**DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP C2K48**

(Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-DHN ngày 06 tháng 01 năm 2014)

| STT | Mã SV   | Họ tên                 | Giới tính | Ngày sinh  | Lớp   | Tổ | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|------------|-------|----|---------|
| 1   | 1302074 | Nguyễn Thị Thúy An     | Nữ        | 06/10/1989 | C2K48 | 6  |         |
| 2   | 1302077 | Nguyễn Thị Vân Anh     | Nữ        | 21/04/1986 | C2K48 | 3  |         |
| 3   | 1302078 | Phạm Lê Phương Anh     | Nữ        | 11/08/1990 | C2K48 | 2  |         |
| 4   | 1302079 | Nguyễn Thụy Cang       | Nam       | 10/04/1975 | C2K48 | 2  |         |
| 5   | 1302084 | Nguyễn Cao Cường       | Nam       | 11/04/1982 | C2K48 | 4  |         |
| 6   | 1302086 | Lê Thanh Danh          | Nam       | 29/07/1981 | C2K48 | 5  |         |
| 7   | 1302088 | Trần Ngọc Diệp         | Nữ        | 17/05/1984 | C2K48 | 1  |         |
| 8   | 1302089 | Đoàn Thị Dung          | Nữ        | 08/05/1969 | C2K48 | 2  |         |
| 9   | 1302090 | Trịnh Thị Phương Dung  | Nữ        | 08/10/1985 | C2K48 | 6  |         |
| 10  | 1302092 | Đồng Thị Duyên         | Nữ        | 16/03/1983 | C2K48 | 6  |         |
| 11  | 1302093 | Nguyễn Thị Duyên       | Nữ        | 06/02/1983 | C2K48 | 1  |         |
| 12  | 1302095 | Lê Công Dũng           | Nam       | 16/09/1990 | C2K48 | 2  |         |
| 13  | 1302097 | Đinh Khắc Thành Đô     | Nam       | 26/10/1983 | C2K48 | 6  |         |
| 14  | 1302099 | Nguyễn Minh Đức        | Nam       | 11/12/1978 | C2K48 | 1  |         |
| 15  | 1302101 | Tô Duy Giang           | Nam       | 21/11/1983 | C2K48 | 5  |         |
| 16  | 1302102 | Trịnh Minh Giang       | Nam       | 09/06/1987 | C2K48 | 4  |         |
| 17  | 1302107 | Nguyễn Thị Hào         | Nữ        | 25/05/1987 | C2K48 | 1  |         |
| 18  | 1302108 | Đỗ Thị Mỹ Hạnh         | Nữ        | 18/06/1980 | C2K48 | 4  |         |
| 19  | 1302109 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh     | Nữ        | 09/12/1983 | C2K48 | 1  |         |
| 20  | 1302111 | Đặng Ngọc Hiền         | Nam       | 07/11/1990 | C2K48 | 6  |         |
| 21  | 1302112 | Nguyễn Thị Hiền        | Nữ        | 01/06/1979 | C2K48 | 6  |         |
| 22  | 1302113 | Nguyễn Thị Hồng Hiếu   | Nữ        | 05/07/1986 | C2K48 | 2  |         |
| 23  | 1302115 | Nguyễn Thái Hiệp       | Nam       | 09/07/1983 | C2K48 | 6  |         |
| 24  | 1302116 | Nguyễn Thanh Hồng      | Nữ        | 20/10/1980 | C2K48 | 6  |         |
| 25  | 1302123 | Nguyễn Thị Hường       | Nữ        | 20/02/1976 | C2K48 | 5  |         |
| 26  | 1302124 | Đoàn Mạnh Hùng         | Nam       | 03/04/1984 | C2K48 | 2  |         |
| 27  | 1302125 | Đào Trần Thị Chế Khanh | Nữ        | 25/08/1987 | C2K48 | 3  |         |
| 28  | 1302126 | Phan Thị Thúy Kiều     | Nữ        | 11/02/1967 | C2K48 | 4  |         |
| 29  | 1302127 | Tô Thị Diễm Kiều       | Nữ        | 15/03/1987 | C2K48 | 3  |         |
| 30  | 1302128 | Huỳnh Mỹ Linh          | Nữ        | 07/10/1985 | C2K48 | 5  |         |
| 31  | 1302132 | Nguyễn Thị Hồng Loan   | Nữ        | 15/01/1969 | C2K48 | 1  |         |
| 32  | 1302135 | Võ Thành Lộc           | Nam       | 08/10/1989 | C2K48 | 3  |         |
| 33  | 1302138 | Lê Thị Mến             | Nữ        | 19/11/1988 | C2K48 | 5  |         |
| 34  | 1302142 | Nguyễn Hồng Thanh Nga  | Nữ        | 26/08/1990 | C2K48 | 5  |         |
| 35  | 1302143 | Lê Thị Ngọc Ngân       | Nữ        | 27/03/1985 | C2K48 | 6  |         |
| 36  | 1302145 | Nguyễn Thị Thủy Ngân   | Nữ        | 15/07/1981 | C2K48 | 3  |         |
| 37  | 1302148 | Lê Thị Minh Nguyệt     | Nữ        | 21/08/1983 | C2K48 | 3  |         |
| 38  | 1302149 | Nguyễn Trọng Nhân      | Nam       | 08/04/1989 | C2K48 | 6  |         |
| 39  | 1302150 | Nguyễn Thị Thanh Nhân  | Nữ        | 02/09/1983 | C2K48 | 5  |         |
| 40  | 1302153 | Lê Thị Thúy Ninh       | Nữ        | 20/12/1971 | C2K48 | 5  |         |
| 41  | 1302158 | Nguyễn Thị Liên Phương | Nữ        | 23/06/1977 | C2K48 | 3  |         |
| 42  | 1302160 | Nguyễn Thành Phước     | Nam       | 11/06/1986 | C2K48 | 4  |         |
| 43  | 1302161 | Trần Thị Thúy Phượng   | Nữ        | 30/11/1970 | C2K48 | 4  |         |
| 44  | 1302162 | Nguyễn Thanh Phú       | Nam       | 26/07/1990 | C2K48 | 5  |         |
| 45  | 1302163 | Nguyễn Ngọc Phúc       | Nam       | 01/12/1987 | C2K48 | 1  |         |

| STT | Mã SV   | Họ tên                 | Giới tính | Ngày sinh  | Lớp   | Tổ | Ghi chú |
|-----|---------|------------------------|-----------|------------|-------|----|---------|
| 46  | 1302164 | Võ Hữu Phúc            | Nam       | 17/08/1978 | C2K48 | 1  |         |
| 47  | 1302165 | Nguyễn Vinh Quang      | Nam       | 03/10/1989 | C2K48 | 2  |         |
| 48  | 1302166 | Phạm Khắc Qui          | Nam       | 25/03/1987 | C2K48 | 3  |         |
| 49  | 1302167 | Nguyễn Thị Lệ Quyên    | Nữ        | 26/02/1982 | C2K48 | 2  |         |
| 50  | 1302170 | Lý Thảo Sương          | Nữ        | 11/01/1985 | C2K48 | 4  |         |
| 51  | 1302173 | Nguyễn Ngọc Minh Tâm   | Nữ        | 01/04/1990 | C2K48 | 5  |         |
| 52  | 1302175 | Đặng Thị Phương Thanh  | Nữ        | 05/10/1982 | C2K48 | 5  |         |
| 53  | 1302176 | Mã Vân Thanh           | Nữ        | 06/05/1990 | C2K48 | 6  |         |
| 54  | 1302178 | Bùi Lý Thu Thảo        | Nữ        | 02/02/1990 | C2K48 | 6  |         |
| 55  | 1302179 | Hồ Thị Ngọc Thảo       | Nữ        | 18/04/1978 | C2K48 | 4  |         |
| 56  | 1302180 | Lê Mai Thảo            | Nữ        | 09/09/1983 | C2K48 | 2  |         |
| 57  | 1302182 | Bùi Thị Minh Thiện     | Nữ        | 20/08/1972 | C2K48 | 4  |         |
| 58  | 1302184 | Hồ Thị Anh Thư         | Nữ        | 01/09/1987 | C2K48 | 3  |         |
| 59  | 1302185 | Lê Thị Anh Thư         | Nữ        | 21/03/1975 | C2K48 | 2  |         |
| 60  | 1302186 | Vũ Duy Thương          | Nam       | 30/06/1986 | C2K48 | 5  |         |
| 61  | 1302187 | Hồ Thanh Thủy          | Nữ        | 14/07/1988 | C2K48 | 2  |         |
| 62  | 1302190 | Nguyễn Thị Diệu Thúy   | Nữ        | 28/02/1979 | C2K48 | 2  |         |
| 63  | 1302194 | Trương Hoàng Thủy Tiên | Nữ        | 05/01/1987 | C2K48 | 1  |         |
| 64  | 1302196 | Huỳnh Thị Diễm Trang   | Nữ        | 20/11/1986 | C2K48 | 5  |         |
| 65  | 1302200 | Trần Thị Bích Trâm     | Nữ        | 05/08/1989 | C2K48 | 6  |         |
| 66  | 1302201 | Lê Nguyễn Huyền Trân   | Nữ        | 08/09/1980 | C2K48 | 2  |         |
| 67  | 1302202 | Ngô Tố Trân            | Nữ        | 05/09/1987 | C2K48 | 1  |         |
| 68  | 1302204 | Thềm Việt Trung        | Nam       | 26/08/1982 | C2K48 | 4  |         |
| 69  | 1302205 | Trần Thế Trung         | Nam       | 07/11/1976 | C2K48 | 3  |         |
| 70  | 1302206 | Lâm Quang Tuấn         | Nam       | 17/01/1983 | C2K48 | 3  |         |
| 71  | 1302208 | Trần Thị Tuất          | Nữ        | 25/06/1982 | C2K48 | 1  |         |
| 72  | 1302209 | Lê Minh Tuyền          | Nữ        | 19/06/1985 | C2K48 | 1  |         |
| 73  | 1302212 | Tô Thanh Tuyền         | Nữ        | 1984       | C2K48 | 3  |         |
| 74  | 1302214 | Trần Đại Tường         | Nam       | 23/08/1986 | C2K48 | 1  |         |
| 75  | 1302215 | Nguyễn Thanh Tú        | Nữ        | 24/11/1982 | C2K48 | 4  |         |
| 76  | 1302221 | Nguyễn Thị Xinh        | Nữ        | 20/10/1982 | C2K48 | 3  |         |
| 77  | 1302223 | Hồ Phương Yến          | Nữ        | 16/04/1990 | C2K48 | 4  |         |
| 78  | 1302225 | Nguyễn Thị Hoàng Yến   | Nữ        | 25/05/1976 | C2K48 | 4  |         |

Danh sách này gồm 78 sinh viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thái Nguyễn Hùng Thu

**DANH SÁCH SINH VIÊN LỚP C4K48**

(Kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-DHN ngày 06 tháng 01 năm 2014)

| STT | Mã SV   | Họ tên                | Giới tính | Ngày sinh  | Lớp   | Tổ | Ghi chú |
|-----|---------|-----------------------|-----------|------------|-------|----|---------|
| 1   | 1302073 | Cao Thị Kim An        | Nữ        | 19/02/1986 | C4K48 | 3  |         |
| 2   | 1302075 | Đặng Tuấn Anh         | Nam       | 19/10/1988 | C4K48 | 2  |         |
| 3   | 1302076 | Mạc Quế Anh           | Nữ        | 18/11/1990 | C4K48 | 1  |         |
| 4   | 1302080 | Nguyễn Thị Minh Châu  | Nữ        | 12/04/1987 | C4K48 | 6  |         |
| 5   | 1302081 | Trần Thị Minh Châu    | Nữ        | 30/07/1986 | C4K48 | 2  |         |
| 6   | 1302082 | Trần Văn Chện         | Nam       | 16/06/1989 | C4K48 | 4  |         |
| 7   | 1302083 | Trần Văn Cương        | Nam       | 07/07/1988 | C4K48 | 1  |         |
| 8   | 1302085 | Vũ Thị Cúc            | Nữ        | 14/05/1977 | C4K48 | 4  |         |
| 9   | 1302087 | Trương Hoàng Diễm     | Nữ        | 06/07/1985 | C4K48 | 3  |         |
| 10  | 1302091 | Nguyễn An Duy         | Nam       | 13/03/1986 | C4K48 | 2  |         |
| 11  | 1302094 | Nguyễn Thị Thùy Dương | Nữ        | 20/10/1978 | C4K48 | 6  |         |
| 12  | 1302096 | Lê Đức Dũng           | Nam       | 31/08/1987 | C4K48 | 3  |         |
| 13  | 1302098 | Nguyễn Ngọc Đường     | Nam       | 20/06/1974 | C4K48 | 2  |         |
| 14  | 1302100 | Nguyễn Cảnh Giang     | Nam       | 16/12/1981 | C4K48 | 5  |         |
| 15  | 1302103 | Nguyễn Thị Phương Hà  | Nữ        | 10/01/1987 | C4K48 | 2  |         |
| 16  | 1302104 | Trần Thị Hà           | Nữ        | 04/06/1988 | C4K48 | 3  |         |
| 17  | 1302105 | Võ Thị Vân Hà         | Nữ        | 04/05/1976 | C4K48 | 1  |         |
| 18  | 1302106 | Ngô Thị Hải           | Nữ        | 18/08/1968 | C4K48 | 4  |         |
| 19  | 1302110 | Lê Văn Hậu            | Nam       | 03/11/1974 | C4K48 | 3  |         |
| 20  | 1302114 | Nguyễn Thị Minh Hiếu  | Nữ        | 10/05/1990 | C4K48 | 3  |         |
| 21  | 1302117 | Nguyễn Thị ánh Hồng   | Nữ        | 12/10/1980 | C4K48 | 2  |         |
| 22  | 1302118 | Tạ Bảo Hồng           | Nữ        | 23/09/1983 | C4K48 | 5  |         |
| 23  | 1302119 | Bùi Quang Huy         | Nam       | 16/06/1983 | C4K48 | 6  |         |
| 24  | 1302120 | Nguyễn Đức Huy        | Nam       | 12/01/1988 | C4K48 | 6  |         |
| 25  | 1302121 | Hà Thị Bích Hương     | Nữ        | 22/10/1959 | C4K48 | 6  |         |
| 26  | 1302122 | Lê Thị Ngọc Hương     | Nữ        | 20/06/1987 | C4K48 | 5  |         |
| 27  | 1302129 | Nguyễn Thị Mỹ Linh    | Nữ        | 05/11/1985 | C4K48 | 5  |         |
| 28  | 1302130 | Trần Thị Diệu Linh    | Nữ        | 12/10/1982 | C4K48 | 6  |         |
| 29  | 1302131 | Đinh Thị Kim Loan     | Nữ        | 24/08/1966 | C4K48 | 5  |         |
| 30  | 1302133 | Trần Thị Kim Loan     | Nữ        | 03/10/1990 | C4K48 | 2  |         |
| 31  | 1302134 | Nguyễn Phi Long       | Nam       | 27/12/1984 | C4K48 | 1  |         |
| 32  | 1302136 | Nguyễn Kim Ly         | Nữ        | 04/03/1980 | C4K48 | 3  |         |
| 33  | 1302137 | Nguyễn Thị Tuyết Mai  | Nữ        | 25/04/1988 | C4K48 | 6  |         |
| 34  | 1302139 | Phan Minh             | Nam       | 11/03/1988 | C4K48 | 4  |         |
| 35  | 1302140 | Tổng Nguyệt Minh      | Nữ        | 17/11/1986 | C4K48 | 6  |         |
| 36  | 1302141 | Lại Thị Nga           | Nữ        | 08/01/1983 | C4K48 | 1  |         |
| 37  | 1302144 | Nguyễn Thị Thủy Ngân  | Nữ        | 11/10/1983 | C4K48 | 4  |         |
| 38  | 1302146 | Trần Thị Kim Ngọc     | Nữ        | 12/09/1984 | C4K48 | 2  |         |
| 39  | 1302147 | Nguyễn Bình Nguyên    | Nam       | 28/01/1989 | C4K48 | 5  |         |
| 40  | 1302151 | Đặng Ngọc Hoàng Nhi   | Nữ        | 30/09/1984 | C4K48 | 6  |         |
| 41  | 1302152 | Phạm Thị Cẩm Nhung    | Nữ        | 12/05/1990 | C4K48 | 4  |         |
| 42  | 1302154 | Bùi Thị Hoàng Oanh    | Nữ        | 30/04/1989 | C4K48 | 1  |         |
| 43  | 1302155 | Phùng Tấn Phát        | Nam       | 06/12/1989 | C4K48 | 4  |         |
| 44  | 1302156 | Nguyễn Tiến Phong     | Nam       | 13/04/1987 | C4K48 | 6  |         |
| 45  | 1302157 | Nguyễn Duy Phương     | Nam       | 31/05/1983 | C4K48 | 6  |         |

| STT | Mã SV   | Họ tên                  | Giới tính | Ngày sinh  | Lớp   | Tổ | Ghi chú |
|-----|---------|-------------------------|-----------|------------|-------|----|---------|
| 46  | 1302159 | Vũ Thị Minh Phương      | Nữ        | 23/11/1988 | C4K48 | 4  |         |
| 47  | 1302168 | Nguyễn Thanh Sang       | Nữ        | 09/02/1982 | C4K48 | 5  |         |
| 48  | 1302169 | Nguyễn Tuấn Sơn         | Nam       | 07/10/1990 | C4K48 | 6  |         |
| 49  | 1302171 | Đặng Như Minh Tâm       | Nam       | 01/04/1987 | C4K48 | 1  |         |
| 50  | 1302172 | Lương Võ Phương Tâm     | Nữ        | 09/09/1988 | C4K48 | 4  |         |
| 51  | 1302174 | Võ Thị Ngọc Tân         | Nữ        | 27/07/1990 | C4K48 | 1  |         |
| 52  | 1302177 | Nguyễn Thị Mỹ Thanh     | Nữ        | 15/12/1982 | C4K48 | 5  |         |
| 53  | 1302181 | Trần Dạ Lan Thảo        | Nữ        | 21/09/1985 | C4K48 | 5  |         |
| 54  | 1302183 | Lưu Văn Thọ             | Nam       | 26/08/1988 | C4K48 | 3  |         |
| 55  | 1302188 | Huỳnh Thanh Thủy        | Nữ        | 13/06/1985 | C4K48 | 3  |         |
| 56  | 1302189 | Hà Thị Thúy             | Nữ        | 04/11/1985 | C4K48 | 2  |         |
| 57  | 1302191 | Nguyễn Thị Ngọc Thúy    | Nữ        | 26/05/1982 | C4K48 | 4  |         |
| 58  | 1302192 | Nguyễn Văn Thừa         | Nam       | 15/02/1981 | C4K48 | 2  |         |
| 59  | 1302193 | Nguyễn Thị Tiên         | Nữ        | 26/04/1985 | C4K48 | 5  |         |
| 60  | 1302195 | Giang Sang Tiến         | Nam       | 03/08/1985 | C4K48 | 5  |         |
| 61  | 1302197 | Nguyễn Thị Như Trang    | Nữ        | 19/07/1988 | C4K48 | 3  |         |
| 62  | 1302198 | Nguyễn Thị Thùy Trang   | Nữ        | 29/06/1978 | C4K48 | 4  |         |
| 63  | 1302199 | Nguyễn Thục Đoan Trang  | Nữ        | 20/11/1990 | C4K48 | 2  |         |
| 64  | 1302203 | Phạm Huỳnh Minh Trí     | Nam       | 10/10/1989 | C4K48 | 3  |         |
| 65  | 1302207 | Vũ Anh Tuấn             | Nam       | 25/06/1986 | C4K48 | 4  |         |
| 66  | 1302210 | Nguyễn Thị Phương Tuyền | Nữ        | 19/08/1977 | C4K48 | 1  |         |
| 67  | 1302211 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền  | Nữ        | 09/05/1984 | C4K48 | 3  |         |
| 68  | 1302213 | Nguyễn Thị Kim Tước     | Nữ        | 01/04/1983 | C4K48 | 1  |         |
| 69  | 1302216 | Phạm Mẫu Uyên           | Nữ        | 23/09/1981 | C4K48 | 2  |         |
| 70  | 1302217 | Lương Thúy Vân          | Nữ        | 29/03/1989 | C4K48 | 3  |         |
| 71  | 1302218 | Võ Bích Vân             | Nữ        | 13/02/1978 | C4K48 | 6  |         |
| 72  | 1302219 | Mai Xuân Vị             | Nam       | 1984       | C4K48 | 1  |         |
| 73  | 1302220 | Khưu Ngọc Vũ            | Nam       | 14/05/1982 | C4K48 | 5  |         |
| 74  | 1302222 | Nguyễn Thị Xứng         | Nữ        | 15/09/1982 | C4K48 | 5  |         |
| 75  | 1302224 | Ngô Thị Hải Yến         | Nữ        | 08/10/1986 | C4K48 | 1  |         |
| 76  | 1302226 | Nguyễn Thị Kim Yến      | Nữ        | 07/07/1989 | C4K48 | 4  |         |
| 77  | 1302227 | Nguyễn Thị Trúc Yến     | Nữ        | 04/05/1984 | C4K48 | 2  |         |

Danh sách này gồm 77 sinh viên.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thái Nguyễn Hùng Thu